

Cập nhật Ngành Vật liệu xây dựng:

Bứt phá nhờ lực đẩy đầu tư công

Năm 2026: Nhu cầu nội địa tăng mạnh nhờ đầu tư công	Đầu tư công và hoạt động xây dựng bất động sản tiếp tục là động lực chính hỗ trợ nhu cầu vật liệu xây dựng. Trong 8T2026, tổng sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm đạt 15,2 triệu tấn (+17,8% svck), trong đó thép xây dựng và HRC lần lượt tăng 20% và 28% svck, dù sản lượng xuất khẩu giảm 8,0% svck. Tiêu thụ xi măng nội địa đạt 57,37 triệu tấn (+16,1% svck), nhờ tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tăng mạnh 26% và 27,2% svck lần lượt trong tháng 7 và tháng 8/2026.
Bảo hộ thương mại và giá bán tăng hỗ trợ doanh nghiệp trong nước	Thuế chống bán phá giá sơ bộ khoảng 27,83% đối với HRC khổ rộng nhập khẩu từ Trung Quốc tiếp tục mở rộng hàng rào bảo hộ trên chuỗi giá trị thép dẹt. Giá thép xây dựng ổn định ở mức 15.300–15.800 đồng/kg (+12% svck), trong khi giá HRC CFR Việt Nam đạt khoảng 595 USD/tấn (+23,9% svck). Trong khi đó, xuất khẩu thép phải đối mặt với 94–96 vụ điều tra phòng vệ thương mại, khiến các doanh nghiệp tái tập trung vào thị trường nội địa; HPG nâng thị phần HRC lên 55% (từ 43% trong năm 2025).
Chi phí đầu vào tăng được chuyển phần lớn sang giá bán	Giá than luyện cốc bình quân đạt 236,4 USD/tấn trong 8T2026 (+27,15% svck), giá than nhập khẩu bình quân 9T2026 đạt 121,84 USD/tấn (+20,27% so với bình quân năm 2025), khiến chi phí sản xuất xi măng ước tính tăng khoảng 9,1%. Các doanh nghiệp xi măng đã thực hiện 4 đợt điều chỉnh giá lớn từ đầu năm, với mức tăng bình quân khoảng 15% giá niêm yết. Đối với ngành nhựa, giá hạt nhựa biến động mạnh theo giá dầu; tuy nhiên, BMP hạn chế mức tăng chi phí đầu vào ở khoảng 15-20% nhờ hệ sinh thái SCG, trong khi NTP hưởng lợi từ giá bán bình quân tăng và nguồn hàng tồn kho giá thấp.
Triển vọng năm 2027: Đầu tư công tiếp tục là động lực chính	Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu thép xây dựng tăng 10% svck trong năm 2027 khi các dự án đầu tư công chuyển sang giai đoạn triển khai thi công, trong khi nhu cầu từ bất động sản nhà ở có thể chậm lại do lãi suất ở mức cao. Giá thép dự kiến tương đối đi ngang do tình trạng dư cung tại Trung Quốc; VinMetal dự kiến bắt đầu cung ứng sản phẩm từ nửa cuối năm 2027. Nhu cầu xi măng dự kiến tăng khoảng 8-10%, với chi phí than giảm khoảng 8% svck giúp cải thiện biên lợi nhuận. Ngành nhựa dự kiến ghi nhận sản lượng đi ngang hoặc tăng nhẹ, được hỗ trợ bởi lượng backlog từ các dự án công và giá dầu dần hạ nhiệt.
Cổ phiếu ưa thích	Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực đối với HPG với lợi nhuận cốt lõi năm 2026F-2027F dự kiến tăng lần lượt 42% svck và 23% svck, nhờ Dung Quất 2 nâng dần hiệu suất sử dụng công suất HRC và biên lợi nhuận mỏng thép cải thiện. Đối với HT1 , chúng tôi dự báo lợi nhuận năm 2026F-2027F tăng lần lượt 86,3% svck và 12,3% svck, được hỗ trợ bởi tăng trưởng sản lượng từ các dự án hạ tầng và khả năng điều chỉnh giá bán bình quân nhằm bù đắp chi phí đầu vào tăng.

Nhìn lại năm 2026

Ngành Thép

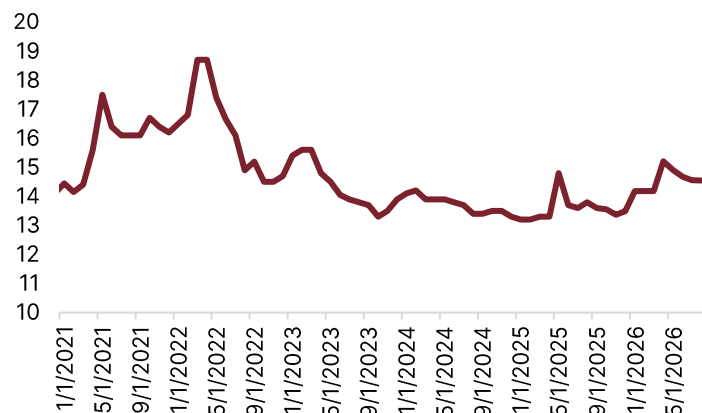
Nhu cầu thép nội địa được hỗ trợ tích cực nhờ đầu tư công mạnh mẽ và hoạt động xây dựng bất động sản. Tổng sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm đạt 15,2 triệu tấn trong 8T2026, tăng 17,8% svck, mặc dù sản lượng xuất khẩu giảm 8,0% svck xuống còn khoảng 2,3 triệu tấn do các biện pháp phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu chủ lực tiếp tục khiến sản phẩm chuyển hướng sang thị trường nội địa. Các phân khúc ghi nhận kết quả tích cực nhất là thép xây dựng (sản lượng sản xuất +18% svck, sản lượng tiêu thụ +20% svck) và HRC (sản lượng tiêu thụ +28% svck), trong đó HRC được hưởng lợi từ thuế chống bán phá giá bổ sung đối với HRC khổ rộng và việc Hòa Phát nâng dần công suất tại Dung Quất, giúp sản lượng gang tăng 23,8% svck lên khoảng 12,5 triệu tấn trong cùng kỳ. **Đà tiêu thụ nội địa duy trì ổn định là yếu tố tích cực giúp bù đắp cho môi trường xuất khẩu ngày càng thách thức**, khi tổng số vụ điều tra phòng vệ thương mại quốc tế đối với sản phẩm thép Việt Nam hiện đã lên tới 94–96 vụ, tăng từ khoảng 90 vụ vào đầu năm 2026.

Chủ nghĩa bảo hộ thép trong nước là xu hướng tiếp diễn từ năm 2025. Khuôn khổ bảo hộ trong nước tiếp tục được củng cố khi Bộ Công Thương ban hành kết luận sơ bộ điều tra chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nóng khổ rộng, áp mức thuế sơ bộ khoảng **27,83%** đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Biện pháp này mở rộng phạm vi bảo hộ thương mại hiện hành đối với HRC — trên cơ sở vụ việc AD20 (Quyết định 1959/2025 của Bộ Công Thương) và cho thấy Chính phủ tiếp tục bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất thép liên hợp trong nước, đáng chú ý nhất là Khu liên hợp Dung Quất của Hòa Phát, trước sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu bán dưới giá thành trong bối cảnh công suất HRC mới đang được nâng dần. Cùng với các biện pháp tự vệ đối với thép dài, tôn mạ và ống thép, mức thuế sơ bộ đối với HRC khổ rộng góp phần mở rộng hàng rào bảo hộ, ngày càng bao phủ toàn bộ chuỗi giá trị thép dẹt, qua đó tạo môi trường thuận lợi mang tính cấu trúc cho các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước.

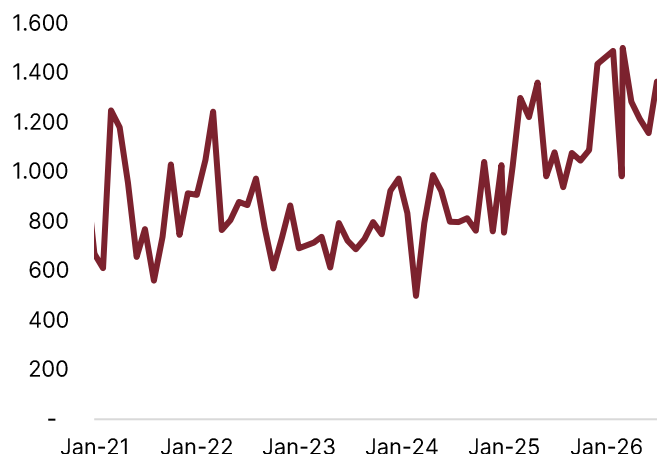
Giá thép ở các nhóm sản phẩm chủ lực nhìn chung được hỗ trợ trong năm 2026, nhờ nhu cầu nội địa vững vàng và tác động giảm áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu của các biện pháp phòng vệ thương mại.

- **Giá thép xây dựng trong nước ổn định trong khoảng 15.300–15.800 đồng/kg đến tháng 8, tăng khoảng 12% svck**, nhờ đà xây dựng sau Tết Nguyên đán được duy trì đến giữa năm và niềm tin đối với lĩnh vực bất động sản tiếp tục phục hồi. Giá thép dần cải thiện so với mức của năm 2025 kể từ tháng 4/2026, với giá bình quân 8T2026 cũng tăng 7% svck.

Giá thép xây dựng (triệu đồng/tấn)



Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng theo tháng (nghìn tấn)

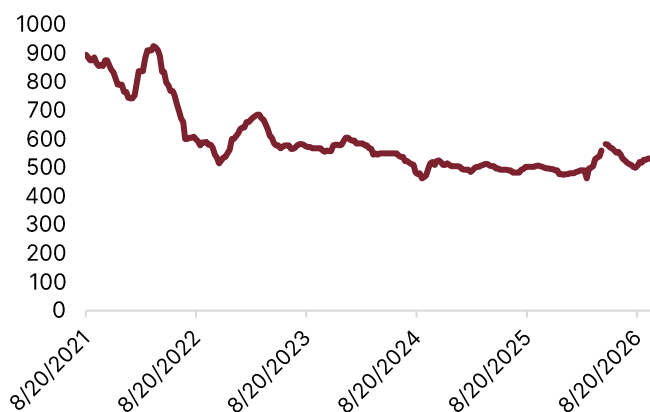


Nguồn: VSA, SSI

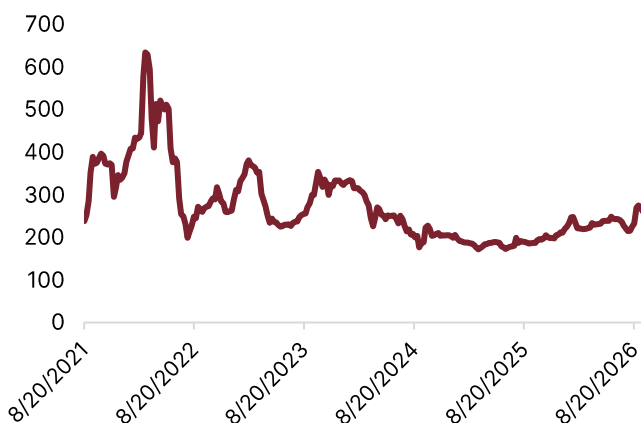
Nguồn: VSA, SSI

- **Giá HRC tăng mạnh hơn**, với giá CFR Việt Nam bình quân tháng 8/2026 đạt khoảng 595 USD/tấn, tăng 23,9% svck từ mức khoảng 480 USD/tấn cùng kỳ năm 2025. Giá HRC nhập khẩu tăng mạnh phản ánh cả nguồn cung toàn cầu thắt chặt và việc chuyển chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cao sang giá bán, giá than luyện cốc bình quân đạt 236,4 USD/tấn FOB trong 8T2026, tăng 27,15% svck, trong khi thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc – cả khổ tiêu chuẩn và khổ rộng – (vụ việc AD20) tạo mức sàn hỗ trợ trước áp lực cạnh tranh giảm giá từ các đối thủ trong khu vực.

Giá HRC CFR Việt Nam (USD/tấn)



Giá than luyện cốc FOB Úc (USD/tấn)



Nguồn: SSI, Bloomberg

Nguồn: SSI, Bloomberg

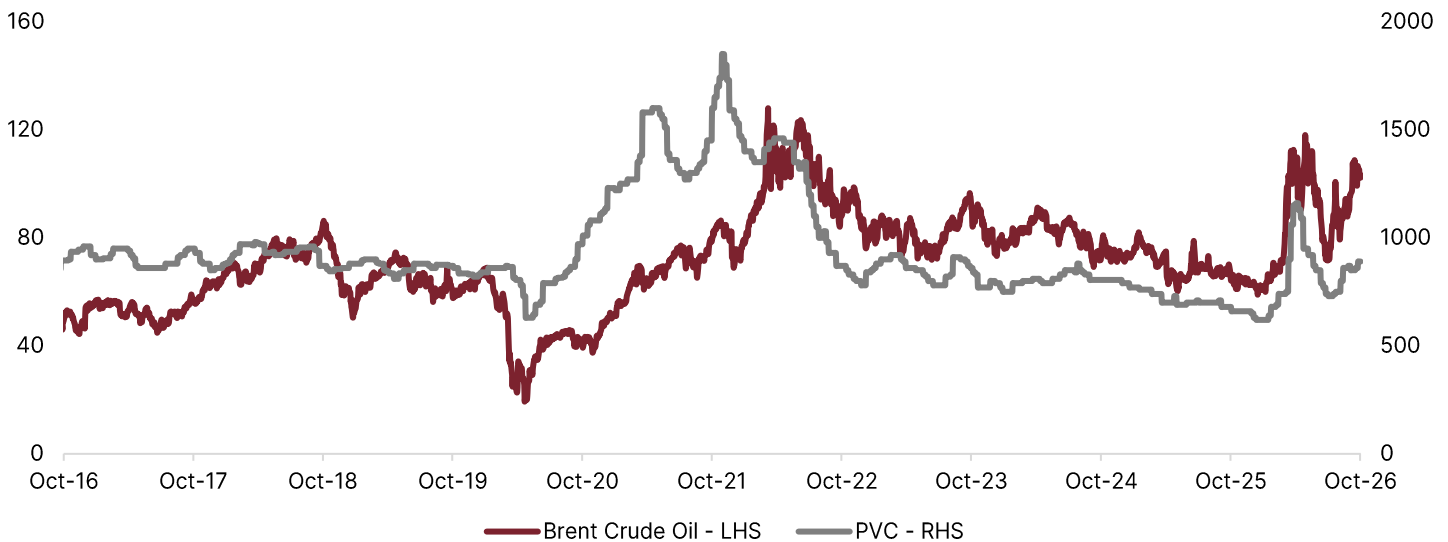
Làn sóng thuế quan toàn cầu khiến doanh nghiệp tái tập trung vào thị trường nội địa. Các doanh nghiệp xuất khẩu thép Việt Nam hiện phải đối mặt với 94–96 vụ điều tra phòng vệ thương mại quốc tế, bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ tại các thị trường chủ lực như Úc (thuế chống bán phá giá đối với thép mạ kẽm ở mức 56,2%, có hiệu lực từ tháng 6/2026), Mỹ (thuế đối với ống thép liền mạch ở mức 121–131%) và Liên minh châu Âu (biện pháp tự vệ đối với thép điện tử định hướng (GOES) dự kiến vào tháng 10/2026), khiến dư địa xuất khẩu bị thu hẹp và hoạt động xuất khẩu ngày càng kém hiệu quả về mặt kinh tế với mức thuế hiện tại. **Do đó, sản lượng xuất khẩu giảm 8,0% svck**, trong khi sản lượng trước đây dành cho xuất khẩu được hấp thụ bởi thị trường nội địa sôi động, nơi nhu cầu tăng 17,8% svck mang

lại môi trường hấp dẫn hơn đáng kể. Các doanh nghiệp đầu ngành tiếp tục duy trì thị phần nội địa, trong đó HPG duy trì 35% thị phần thép xây dựng và nâng thị phần HRC lên 55% (từ 43% trong năm 2025), trong khi HSG cũng duy trì 22% thị phần thép dẹt hạ nguồn.

Ngành Nhựa

Thị trường nhựa Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2026 do thị trường dầu thô biến động mạnh và hoạt động xây dựng thương mại trong nước còn trầm lắng. Hạt nhựa – sản phẩm phái sinh hạ nguồn của dầu thô – chịu ảnh hưởng phần lớn từ những khó khăn của thị trường dầu. Hoạt động thu mua hạt nhựa phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa xây dựng phụ thuộc nhiều vào phòng ngừa rủi ro và khai thác mạng lưới cung ứng nhằm hạn chế biến động lợi nhuận. Chẳng hạn, tổng chi phí đầu vào của BMP tăng khoảng 15-20% so với mức bình quân năm 2025, trong khi giá hạt nhựa trên thị trường tăng 30-40%. Sự hỗ trợ từ hệ sinh thái SCG và mạng lưới cung ứng của tập đoàn giúp hoạt động phòng ngừa rủi ro trở nên khả thi. Trong khi đó, NTP hưởng lợi từ việc tăng giá bán bình quân (ASP) và nguồn hàng tồn kho giá thấp đáp ứng 6 tháng sản xuất trong nửa đầu năm, qua đó chủ động bảo vệ biên lợi nhuận cả năm của công ty, bất chấp giá PVC biến động mạnh.

Biểu đồ: Diễn biến giá hạt nhựa PVC và giá dầu trong 10 năm (USD)



Nguồn: BBG, SSI Research

Ngành Xi măng

Các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia vẫn là động lực chính thúc đẩy nhu cầu đối với các doanh nghiệp sản xuất xi măng. Mặc dù điều kiện thời tiết kém thuận lợi trong năm, tiêu thụ xi măng nội địa lũy kế từ đầu năm đạt 57,37 triệu tấn (+16,1% svck, 8T2026), sau khi tăng trưởng tiêu thụ xi măng nội địa trong 6T2026 đạt 9,9%. Đà tăng này phản ánh việc đẩy nhanh triển khai giai đoạn cuối của nhiều dự án trọng điểm quốc gia, thể hiện rõ qua tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tăng mạnh gần đây (+26% và +27,2% svck lần lượt trong tháng 7 và tháng 8/2026).

Mặc dù giá than nhập khẩu của Việt Nam tăng chậm hơn so với giá quốc tế, áp lực từ thị trường toàn cầu đã bắt đầu phản ánh qua giá nhập khẩu gần đây ở mức cao hơn. Giá than nhập khẩu bình quân 9T2026 đạt 121,84 USD/tấn (+20,27% so với bình quân năm 2025). Các hợp đồng nhập khẩu và cơ chế mua hiện nay vẫn giúp các nhà sản xuất trong nước hạn chế phần nào tác động từ biến động mạnh của giá năng lượng toàn cầu. Theo đó, chi phí sản xuất xi măng ước tính tăng khoảng 9,1%, tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động và các hợp đồng cung ứng đã ký của từng doanh nghiệp.

Để ứng phó, các doanh nghiệp trong nước đã dần tăng giá bán trên diện rộng. Phía cầu nhìn chung chấp nhận các đợt điều chỉnh giá này, chủ yếu do các nhà thầu đã ký hợp đồng có điều khoản điều chỉnh giá, cho phép tăng giá vật liệu xây dựng. Từ đầu năm đến nay, đã có 4 đợt điều chỉnh giá lớn, với mức tăng bình quân khoảng 15% giá niêm yết. Chi phí vật liệu xây dựng tăng trung bình khoảng 8-12% tính từ đầu năm, trong khi một số nguyên vật liệu khai thác ghi nhận biến động mạnh về giá kỳ hạn.

Triển vọng năm 2027

Ngành Thép

Nhu cầu thép nội địa dự kiến tiếp tục duy trì tích cực nhờ đầu tư công và phát triển dự án bất động sản, dù tốc độ tăng trưởng có thể chậm lại do tác động từ môi trường vĩ mô. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu thép xây dựng của Việt Nam có thể duy trì mức tăng trưởng 10% svck trong năm 2027, thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng mạnh 18% svck trong năm 2026. Đối với các dự án đầu tư công, năm 2026 là năm chuẩn bị và giải phóng mặt bằng, trong khi năm 2027 sẽ tập trung nhiều hơn vào triển khai thi công. Do đó, chúng tôi kỳ vọng hoạt động xây dựng tại các dự án này sẽ thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng, trong khi nhu cầu từ hoạt động xây dựng bất động sản nhà ở có thể chậm lại do tỷ lệ hấp thụ thấp hơn và lãi suất ở mức cao. **Nhu cầu HRC nội địa cũng được kỳ vọng tăng trưởng vững chắc nhờ nhu cầu cao hơn từ xây dựng công nghiệp, các dự án hạ tầng và sản xuất ô tô.** Lượng HRC nhập khẩu từ Trung Quốc dự kiến sẽ giảm từ năm 2027 nhờ thuế chống bán phá giá bổ sung đối với HRC khổ rộng áp dụng từ tháng 4/2026 (hiện là thuế sơ bộ), qua đó mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp sản xuất thượng nguồn trong nước như Hòa Phát hay Formosa.

Doanh nghiệp mới gia nhập ngành – VinMetal – dự kiến bắt đầu cung ứng sản phẩm từ nửa cuối năm 2027, tạo ra diễn biến mới cho ngành. VinMetal, công ty con của Vingroup, đã công bố dự án nhà máy thép công suất 5 triệu tấn tại Hà Tĩnh, dự kiến vận hành toàn bộ vào năm 2031. Trong năm 2027, công ty dự kiến sản xuất những sản phẩm đầu tiên tại nhà máy này. Mặc dù chúng tôi không kỳ vọng VinMetal sẽ sản xuất với sản lượng lớn trong năm 2027, điều này vẫn có thể khiến ngành thép thận trọng hơn do Vingroup/Vinhomes/VinFast là những khách hàng tiêu thụ thép lớn trong nước. Về dài hạn, các doanh nghiệp sản xuất khác có thể có ít dư địa mở rộng công suất hơn, nhưng mặt khác, thị phần dự kiến sẽ tập trung hơn vào các nhà máy quy mô lớn.

Giá thép có thể vẫn chịu áp lực do tình trạng dư cung của ngành thép Trung Quốc và thị trường bất động sản đình trệ. Theo Hiệp hội Thép Thế giới, nhu cầu thép của Trung Quốc dự kiến về cơ bản đi ngang trong năm 2027 so với năm 2026 — trong đó mức suy giảm của năm 2026 chỉ thu hẹp nhẹ xuống còn 1,5% khi quá trình điều chỉnh kéo dài của thị trường bất động sản dần chậm dần. Với nhu cầu nội địa Trung Quốc trì trệ và việc kiểm soát công suất sản xuất vẫn ở giai đoạn đầu, các nhà máy thép Trung Quốc tiếp tục có động lực đẩy sản lượng gia tăng sang thị trường xuất khẩu, duy trì áp lực cạnh tranh lên giá HRC và các sản phẩm thép dẹt trong khu vực. Do đó, chúng tôi kỳ vọng giá thép sẽ đi ngang svck, và bất kỳ sự gia tăng nào của giá nguyên liệu đầu vào (như thép phế liệu, than luyện cốc hoặc quặng sắt) đều có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất thép trong một số giai đoạn.

Ngành Nhựa

Triển vọng ngành nhựa Việt Nam năm 2027 còn tương đối khó dự báo, phụ thuộc vào việc lãi suất duy trì ở mức cao gây hạn chế tiến độ xây dựng ở cả trong nước và Trung Quốc, cũng như bối cảnh địa chính trị. Chi phí tín dụng cao có thể làm suy giảm mức tiêu dùng bán lẻ và làm chậm các dự án thương mại tư nhân mới vốn thường tiêu thụ sản lượng lớn hơn và mang lại biên lợi nhuận cao hơn so với các dự án hạ tầng công. Tuy nhiên, lượng dự án và hợp đồng chưa thực hiện (backlog) lớn từ các dự án công vẫn sẽ hỗ trợ kỳ vọng sản lượng đi ngang hoặc tăng nhẹ trong năm 2027. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng giá dầu sẽ dần hạ nhiệt trong năm 2027, qua đó giảm bớt áp lực lên giá hạt nhựa đầu vào. Quan trọng hơn, ngành nhựa đã chứng minh khả năng chuyển biến động giá hạt nhựa PVC sang giá bán sản phẩm trong năm 2026, mà ít có dấu hiệu gây sụt giảm nhu cầu tiêu thụ, qua đó cho thấy khả năng duy trì biên lợi nhuận của các công ty trong ngành.

Ngành Xi măng

Nhu cầu dự kiến duy trì ổn định đến tích cực, tăng trưởng khoảng 8-10%, được hỗ trợ bởi hàng loạt dự án hạ tầng giao thông quy mô lớn đòi hỏi nguồn cung xi măng ổn định, chất lượng cao từ các nhà cung cấp uy tín. Một số dự án lớn dự kiến khởi công trong Q4/2026, bao gồm cầu Thủ Thiêm 4, cầu Phú Mỹ 2 và cầu Cần Giở, cùng các hạng mục đường giao thông trọng điểm kết nối với Vành đai 3, tuyến kết nối Cát Lái - Phú Hữu, nút giao Gò Công, các tuyến kết nối Sân bay Quốc tế Long Thành và nâng cấp các tuyến quốc lộ.

Bộ Xây dựng đã giao kế hoạch sơ bộ năm 2027 cho VICEM với tổng doanh thu hợp nhất và thu nhập khác đạt 34,1 nghìn tỷ đồng (+6,1% svck), lợi nhuận trước thuế trước chênh lệch tỷ giá đạt 1,29 nghìn tỷ đồng (+29,9% svck). Tổng sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker dự kiến đạt 29,7 triệu tấn (+5,6% svck), trong đó tiêu thụ xi măng nội địa đạt 26,6 triệu tấn (+10,2% svck). Điều này cho thấy kỳ vọng nhu cầu nội địa sẽ tích cực hơn. VICEM cũng được giao nhiệm vụ cắt giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả hoạt động và xử lý tình trạng thua lỗ kéo dài tại VICEM Hạ Long và VICEM Hải Vân.

Khả năng sinh lời của các doanh nghiệp xi măng phụ thuộc chủ yếu vào chi phí than đầu vào. Diễn biến chi phí than trong năm 2026 khá phức tạp khi than được sử dụng thay thế khí tự nhiên trong sản xuất điện. Chúng tôi ước tính chi phí than tăng khoảng 30-40% svck trong năm 2026 và giảm khoảng 8% svck trong năm 2027 – với giả định thị trường năng lượng cải thiện. Hiện tại, các doanh nghiệp sản xuất xi măng đã chuyển được (một phần) chi phí tăng thêm sang khách hàng thông qua khoảng 5 đợt điều chỉnh giá từ đầu năm. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp này sẽ được hỗ trợ bởi biên lợi nhuận cải thiện khi chi phí hạ nhiệt.

Cổ phiếu ưa thích

- HPG:** Lợi nhuận cốt lõi năm 2026F-2027F dự kiến tăng lần lượt 42% svck và 23% svck, nhờ Dung Quất 2 nâng dần hiệu suất sử dụng công suất HRC và biên lợi nhuận mảng thép cải thiện. Tác động từ VinMetal dự kiến không đáng kể trong năm 2027 do cao (BOF) cần nhiều năm để xây dựng.
- HT1:** Chúng tôi dự báo lợi nhuận năm 2026F-2027F tăng lần lượt 86,3% svck và 12,3% svck. Tăng trưởng sản lượng mạnh từ các dự án hạ tầng và biên lợi nhuận vững vàng nhờ điều chỉnh giá bán bình quân nhằm bù đắp chi phí đầu vào tăng là những yếu tố then chốt trong luận điểm đầu tư đối với HT1 năm 2027.

CP	Khuyến nghị	% tăng giá	Giá mục tiêu (Đồng)	Giá hiện tại (Đồng)	Tăng trưởng NPATMI			P/E			ROE			Tỷ suất cổ tức (%)		
		1 năm	1 năm	9/10/26	2025	2026F	2027F	2025	2026 F	2027 F	2025	2026F	2027F	2025	2026F	2027F
HPG	MUA	62,7%	32.700	20.100	28,5%	67,7%	6%	13,1	6,5	6,1	12,6%	18,2%	17,0%	0,0%	2,5%	2,5%
HT1	MUA	29,0%	15.800	12.250	355,1%	86,3%	12,3%	23,0	9,4	8,3	5,5%	9,9%	11,0%	0,6%	4,0%	8,0%
BMP	KHẢ QUAN	18,6%	168.500	142.100	24,0%	11,8%	-10,3%	11,7	8,7	9,7	44,0%	46,5%	41,5%	6,9%	10,4%	10,4%
NTP	TRUNG LẬP	13,0%	61.000	54.000	35,0%	17,0%	3,3%	10,8	11,0	11,6	25,1%	25,1%	22,5%	3,8%	4,9%	4,7%

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư		
Phạm Lưu Hưng Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư hungpl@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711		
Chiến lược thị trường Đào Minh Châu Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư chaudm@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 28) 3636 3688	Ngành Vật liệu xây dựng Nguyễn Hoàng Giang, CFA Trưởng phòng Phân tích giangnh@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 Nguyễn Bùi Minh Châu Chuyên viên Phân tích chaunbm1@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321	Dữ liệu Nguyễn Thị Anh Thư Chuyên viên hỗ trợ thunta2@ssi.com.vn SĐT: (+84 – 24) 3936 6321